

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **54** /BNN-KHCN

Hà Nội, ngày **03** tháng **01** năm **2018**

V/v xin ý kiến Dự thảo Nghị định của
Chính phủ về Khuyến nông

VAN PHÒNG UBND T. LANG SON	
Số: 68	Kính gửi: UBND tỉnh Lạng Sơn
Ngày: 08/01/18	
Chuyên:	Thực hiện Quyết định số 1357/QĐ-TTg ngày 13/9/2017 của Thủ tướng

Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao chuẩn bị Dự thảo Nghị định của Chính phủ về Khuyến nông hướng dẫn khoản 4 Điều 52 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 và thay thế Nghị định số 02/2010/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 08/01/2010.

Để có đầy đủ căn cứ trình Chính phủ ban hành Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các tổ chức và cá nhân đóng góp ý kiến cho Dự thảo Nghị định (*Dự thảo và Tờ trình Chính phủ gửi kèm*).

Dự thảo Nghị định được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (<http://www.mard.gov.vn>, mục góp ý văn bản pháp luật) để xin ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Ý kiến đóng góp của tổ chức và cá nhân đề nghị gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội) hoặc gửi qua thư điện tử địa chỉ email: kn.khcn@mard.gov.vn; khuyennongvn@mard.gov.vn trước ngày 02/02/2018.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rất mong nhận được sự quan tâm góp ý kiến của các tổ chức và cá nhân./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Số: /TTr-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ về Khuyến nông

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1357/QĐ-TTg ngày 13/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao chuẩn bị Dự thảo Nghị định của Chính phủ về Khuyến nông. Dự thảo Nghị định này để hướng dẫn khoản 4 Điều 52 Luật Luật Chuyên giao công nghệ số 07/2017/QH14 và sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2010/NĐ-CP về Khuyến nông đã được Chính phủ ban hành ngày 08/01/2010. Đến nay, Dự thảo Nghị định đã hoàn thành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ nội dung Dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Vai trò và quá trình hình thành và phát triển của khuyến nông

Khuyến nông có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nông dân đổi mới và phát triển sản xuất nông nghiệp, giúp người nông dân tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, tiến lên khá và giàu.

Việt Nam là một đất nước nông nghiệp với 70% dân số lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Khuyến nông Việt Nam được chính thức thành lập từ năm 1993 (theo Nghị định số 13/CP của Chính phủ về Khuyến nông, Khuyến lâm, Khuyến ngư) và đã nhanh chóng phát triển, đóng vai trò chủ đạo trong việc phổ biến, chuyển giao các kiến thức, kỹ thuật mới để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất và thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển.

Tổng kết, đánh giá thành tựu của ngành nông nghiệp Việt Nam sau 30 năm đổi mới, ba yếu tố được coi là nền tảng đem lại sự phát triển thần kỳ cho ngành Nông nghiệp nước ta là: thủy sản, giống và khuyến nông. Những thành tựu trong công tác xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, trở thành nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới với những mặt hàng chủ lực như: gạo, cà phê, chè, hồ tiêu, điều, rau quả, tôm, cá tra, đồ gỗ,... có vai trò quan trọng của công tác khuyến nông.

Trong thời gian vừa qua, hoạt động khuyến nông từng bước phát triển và các quy định pháp luật về Khuyến nông từng bước được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tiễn sản xuất theo từng giai đoạn. Cụ thể:

- Giai đoạn 1993 - 2004: khuyến nông hoạt động theo Nghị định 13/CP và Thông tư liên Bộ số 02/TTLB.

- Giai đoạn 2005 - 2010: khuyến nông hoạt động theo Nghị định 56/2005/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BNN.

- Giai đoạn 2011 – nay: khuyến nông hoạt động theo Nghị định 02/2010/NĐ-CP và Thông tư liên tịch 183/TTLT-BTC-BNNPTNT, Thông tư 25 (trước đây là Thông tư 49, Thông tư 15, Thông tư 38) của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Đánh giá việc thực hiện Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về Khuyến nông:

Theo kết quả dự án điều tra, đánh giá hiện trạng hoạt động khuyến nông thực hiện năm 2012- 2013 và Hội nghị tổng kết công tác khuyến nông giai đoạn 2011- 2015 đã đánh giá những kết quả đạt được cũng như những mặt còn hạn chế, tồn tại của công tác khuyến nông theo Nghị định 02/2010/NĐ-CP như sau:

2.1. Một số kết quả nổi bật:

- *Về hệ thống tổ chức khuyến nông các cấp:* kế thừa kết quả của giai đoạn trước, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 02, hệ thống tổ chức khuyến nông nhà nước tiếp tục được xây dựng, phát triển lớn mạnh và đồng bộ từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã và thôn bản. Đến năm 2015 cả nước có trên 36.700 cán bộ khuyến nông đang hoạt động, trong đó cán bộ khuyến nông chuyên trách từ cấp xã trở lên là trên 15.300 người và trên 21.300 cộng tác viên khuyến nông cấp thôn, bản. Đây là lực lượng chính chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân. Đội ngũ cán bộ khuyến nông thường xuyên bám sát thực tiễn sản xuất, gắn bó mật thiết với nông dân, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất cũng như khắc phục các khó khăn do thiên tai, dịch bệnh gây nên.

- *Về kinh phí đầu tư cho hoạt động khuyến nông:* thực hiện chủ trương của Chính phủ về phân cấp quản lý và đầu tư trong hoạt động khuyến nông, sau khi Nghị định 02 ban hành, một số địa phương đã quan tâm đầu tư kinh phí cho hoạt động khuyến nông cũng như cải tạo, nâng cấp điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cho hệ thống khuyến nông hoạt động, từng bước hạn chế sự ỷ lại của địa phương vào nguồn kinh phí khuyến nông Trung ương. Theo Hội nghị tổng kết công tác khuyến nông giai đoạn 2011- 2015, nguồn kinh phí khuyến nông từ ngân sách địa phương năm 2015 đã tăng khoảng 4 lần so với năm 2010.

- *Về chính sách khuyến nông:* về cơ bản các chính sách khuyến nông quy định tại Nghị định 02/2010/NĐ-CP đã phát huy tác động tốt đối với sản xuất nông nghiệp và người nông dân. Hoạt động khuyến nông đã đóng vai trò nòng cốt trong công tác thông tin tuyên truyền phổ biến kiến thức, đào tạo bồi dưỡng kỹ năng, tay nghề cho nông dân, trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để nhân rộng ra sản xuất đại trà, giúp nông dân phát triển sản xuất tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu. Hoạt động khuyến nông đã có đóng

góp quan trọng vào quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, đem lại giá trị gia tăng cho ngành nông nghiệp và thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

2.2. Một số hạn chế, tồn tại:

** Về đối tượng áp dụng:*

Đối tượng tác động của khuyến nông là nông dân, người sản xuất, các tổ chức sản xuất nông nghiệp. Nghị định 02/2010/NĐ-CP quy định phương thức tiếp cận đối với các nhóm đối tượng này theo trình độ và quy mô sản xuất như: nông dân nghèo, nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông lâm trường, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phương thức tiếp cận này có điểm hạn chế là chưa tính đến điều kiện sản xuất của từng địa phương, vùng, miền có sự khác nhau về điều kiện địa lý (đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng,..) cũng như tập quán sản xuất, văn hóa, dân tộc,... Do vậy, trong quá trình triển khai áp dụng, trong vùng một địa bàn sản xuất (trên cùng một cánh đồng, cùng làng, xã) áp dụng những chính sách khuyến nông khác nhau cho các đối tượng nông dân khác nhau là rất khó khăn và không phù hợp.

** Về hoạt động của khuyến nông Trung ương và khuyến nông địa phương:*

Nghị định số 02/2010/NĐ-CP quy định hoạt động khuyến nông Trung ương thực hiện ở phạm vi quy mô vùng, miền, quốc gia; hoạt động khuyến nông địa phương thực hiện ở phạm vi tại địa phương.

Qua quá trình áp dụng cho thấy quy định này chưa phù hợp, dựa vào tiêu chí quy mô, địa bàn thực hiện để phân cấp giữa khuyến nông Trung ương và khuyến nông địa phương là không đúng với mục đích và bản chất của khuyến nông. Mục đích của hoạt động khuyến nông Trung ương nhằm thúc đẩy phát triển các sản phẩm quốc gia, chủ lực của ngành; còn mục đích của khuyến nông địa phương nhằm thúc đẩy phát triển các sản phẩm tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Do chưa có sự phân công, phân cấp rõ về vai trò hoạt động nên trong thời gian vừa qua giữa khuyến nông Trung ương và khuyến nông địa phương chưa có sự phối hợp, lồng ghép tốt, chưa phát huy được vai trò chỉ đạo, định hướng của khuyến nông Trung ương đối với các địa phương cũng như chưa phát huy được tính chủ động, trách nhiệm của khuyến nông địa phương đối với việc phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

** Về hình thức hoạt động khuyến nông:*

Nghị định số 02/2010/NĐ-CP quy định hoạt động khuyến nông theo hình thức chương trình, dự án khuyến nông; dự án được tuyển chọn theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu cạnh tranh (Điều 17).

Ưu điểm của cơ chế hoạt động theo dự án là tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực, sản phẩm chủ lực, trọng điểm.

Hạn chế, bất cập của cơ chế hoạt động theo dự án là:

+ Quy định dự án khuyến nông phải triển khai ở quy mô vùng, miền, quốc gia (phạm vi từ 03 tỉnh trở lên) gây khó khăn cho hệ thống khuyến nông các địa phương khi tham gia dự án khuyến nông Trung ương (tỉnh này không thể sang tỉnh khác để chỉ đạo thực hiện dự án được).

+ Quy định tuyển chọn dự án theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu cạnh tranh làm phát sinh các thủ tục hành chính mang tính hình thức, làm chậm chễ, kéo dài trong việc triển khai thực hiện hoạt động khuyến nông.

Trong giai đoạn 2011- 2017, thực tế chỉ có ở Trung ương hoạt động theo cơ chế dự án, còn đối với địa phương thì chưa có tỉnh, thành phố nào áp dụng.

Tuy nhiên quá trình hoạt động theo cơ chế dự án khuyến nông ở Trung ương cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề bất cập, đó là:

+ Việc tuyển chọn dự án mới chỉ áp dụng theo hình thức xét chọn hoặc giao nhiệm vụ, chưa có dự án nào thực hiện theo hình thức đấu thầu cạnh tranh.

+ Đa số các đơn vị Trung ương là chủ trì dự án, triển khai độc lập, tách rời nhau, không có sự phối hợp, lồng ghép giữa các dự án.

+ Các đơn vị chủ trì thường chọn địa bàn thuận lợi để triển khai dự án, dẫn tới tình trạng có địa phương tập trung quá nhiều dự án, trong khi những địa phương khác không có dự án triển khai.

Từ những hạn chế, bất cập nêu trên dẫn đến điểm yếu lớn nhất của hệ thống khuyến nông Việt Nam hiện nay đó là không có sự liên thông, gắn kết giữa khuyến nông trung ương và khuyến nông địa phương theo kiểu “*việc ai nấy làm, thân ai nấy lo*”, từ đó làm suy yếu sức mạnh của cả hệ thống khuyến nông từ Trung ương đến cơ sở.

** Về phương thức hoạt động khuyến nông:*

Về cơ bản phương thức hoạt động khuyến nông theo 05 nội dung hoạt động chính quy định tại Nghị định 02/2010/NĐ-CP đã khá đầy đủ và toàn diện. Tuy nhiên cùng với sự phát triển của sản xuất, trong thời gian gần đây đã xuất hiện một số nội dung, phương thức hoạt động khuyến nông mới trong nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa mà Nghị định 02 còn chưa đề cập là:

- Mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ.
- Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.
- Hợp tác công tư (PPP) trong nông nghiệp.
- Các hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông mới theo nhu cầu sản xuất.

Những nội dung, phương thức hoạt động khuyến nông này cần được bổ sung, cập nhật kịp thời để phục vụ sản xuất hiệu quả hơn.

** Về chính sách khuyến nông:*

- Chính sách khuyến nông quy định trong Nghị định 02 được xây dựng theo nhóm nội dung hoạt động (đào tạo, thông tin, xây dựng mô hình), chưa phân

biệt rõ chính sách theo nhóm đối tượng mục tiêu: chính sách khuyến nông xóa đói giảm nghèo và chính sách khuyến nông sản xuất hàng hóa. Do vậy, trong thời gian vừa qua hoạt động khuyến nông chủ yếu tập trung vào mục tiêu phát triển sản xuất hàng hóa, nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo chưa được quan tâm đúng mức.

- Chính sách xây dựng mô hình khuyến nông theo quy định tại Nghị định 02 và Thông tư liên tịch 183 còn “cứng” và mang tính quy mô nhỏ, như: chính sách hỗ trợ mô hình ứng dụng công nghệ cao tối đa 30% (200 triệu đồng/mô hình); mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển gần bờ (tối đa 125 triệu đồng/mô hình), xa bờ (tối đa 200 triệu đồng/mô hình); mô hình cơ giới hóa, bảo quản chế biến, nghề muối và ngành nghề nông thôn vùng khó khăn tối đa 150 triệu đồng/mô hình, miền núi tối đa 125 triệu đồng/mô hình, đồng bằng tối đa 75 triệu đồng/mô hình; mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp tối đa 30 triệu đồng/mô hình;... Chính sách hỗ trợ cứng nhắc và quy mô nhỏ gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện và không phù hợp với quy mô sản xuất hàng hóa hiện nay.

- Chính sách nhân rộng mô hình quy định trong Nghị định 02 là chưa phù hợp và thiếu tính khả thi, chưa đủ mạnh để khuyến khích nông dân nhân rộng mô hình. Trong thời gian vừa qua có tình trạng mô hình xây dựng rất hiệu quả, tuy nhiên việc nhân rộng là rất khó khăn, nguyên nhân là do chính sách và biện pháp tổ chức thực hiện chưa phù hợp.

- Chính sách khuyến khích tư vấn, dịch vụ khuyến nông theo Nghị định 02 còn rất chung chung, chưa cụ thể và thiếu các văn bản hướng dẫn để thực hiện. Nhu cầu về hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông là rất lớn và đa dạng, tuy nhiên do chính sách chưa phù hợp và cụ thể nên chưa thu hút, khuyến khích được các tổ chức, cá nhân tham gia. Đồng thời, công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông còn để ngỏ, chưa có sự kiểm tra, kiểm soát, do vậy hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông còn mang tính tự phát.

- Chính sách xã hội hóa khuyến nông: Nghị định 02 chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa khuyến nông để huy động, thu hút nguồn lực đầu tư cho hoạt động khuyến nông. Tuy nhiên, trong Nghị định 02 lại chưa quy định cụ thể chính sách xã hội hóa khuyến nông để thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia. Đồng thời, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến nông theo hình thức xã hội hóa còn bỏ ngỏ, chưa có văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện cũng như kiểm tra, giám sát để ngăn ngừa, hạn chế những tiêu cực phát sinh có thể xảy ra gây thiệt hại cho người nông dân cũng như sản xuất.

** Về kinh phí khuyến nông:*

- Nghị định 02 quy định các địa phương phải bảo đảm nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông ở địa phương. Tuy nhiên trong thực tế những năm qua chỉ có một số địa phương có nguồn thu ngân sách lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đồng Nai,... thì có khả năng quan tâm bố trí kinh phí cho hoạt động khuyến nông. Còn lại ở đa số các tỉnh, thành phố khác, mức kinh phí đầu tư cho hoạt động khuyến nông còn rất khiêm tốn. Đặc biệt một số tỉnh có nguồn kinh phí rất thấp (dưới 1 tỷ đồng/năm) như: Bắc Cạn, Cao Bằng, Quảng

Bình, Lai Châu, Tây Ninh, Ninh Thuận, Kon Tum,... Điều này dẫn tới sự mất cân đối về kinh phí đầu tư giữa các vùng miền, địa phương, làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của ngành nông nghiệp cũng như quyền lợi của người nông dân, đặc biệt nông dân ở những vùng nghèo, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Quy định về phân cấp ngân sách đầu tư dẫn đến khó khăn trong việc lồng ghép nguồn lực đầu tư giữa khuyến nông Trung ương và khuyến nông địa phương, từ đó dẫn đến việc đầu tư không hiệu quả, nơi thì trùng lặp, nơi thì phân tán, khó khăn trong việc điều phối nguồn lực đầu tư.

- Về Quỹ khuyến nông: Nghị định 02 quy định nguồn vốn hình thành Quỹ từ nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tuy nhiên, mục đích của Quỹ khuyến nông là hoạt động phi lợi nhuận, để hỗ trợ hoạt động khuyến nông và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Do vậy trong thời gian qua, chưa có địa phương, đơn vị nào huy động được các nguồn tài trợ, đóng góp để thành lập Quỹ. Đến nay, ngoài Quỹ khuyến nông Hà Nội hình thành từ nguồn vốn NSNN đang hoạt động, còn lại chưa có Quỹ khuyến nông nào thành lập được theo chính sách của Nghị định 02.

** Về công tác quản lý nhà nước về khuyến nông:*

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về khuyến nông còn một số vấn đề hạn chế là:

- Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách khuyến nông còn chậm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Một số nội dung khuyến nông còn chưa phát triển được do thiếu hành lang pháp lý để hoạt động.

- Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chính sách khuyến nông của Nhà nước còn chưa tốt, hiệu quả chưa cao (chỉ đạo điều hành, điều phối nguồn lực, khai thác và sử dụng nguồn nhân lực khuyến nông các cấp,...).

- Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến nông theo hình thức xã hội hóa còn bỏ ngỏ, chưa có chính sách để khuyến khích xã hội hóa khuyến nông cũng như chưa có sự kiểm tra, giám sát để ngăn ngừa, hạn chế những tiêu cực phát sinh có thể xảy ra gây thiệt hại cho người nông dân cũng như sản xuất.

3. Sự cần thiết xây dựng Nghị định mới về Khuyến nông

- Để giải quyết những hạn chế, bất cập của Nghị định 02/2010/NĐ-CP hiện nay.

- Để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành nông nghiệp và bà con nông dân.

- Để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn gồm: Nghị quyết tam nông, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,...

- Để triển khai thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Quyết định phân công nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng Nghị định của Chính phủ về Khuyến nông là rất cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác khuyến nông.
2. Kế thừa các nội dung của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông.
3. Phù hợp với Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.
4. Phù hợp, liên thông với các văn bản quy phạm pháp luật khác hiện hành.
5. Phù hợp với thực tiễn công tác khuyến nông và sản xuất nông nghiệp hiện nay.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được Chính phủ chỉ đạo xây dựng theo Quyết định số 1357/QĐ-TTg ngày 13/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3.

Để triển khai thực hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 4349/QĐ-BNN-KHCN ngày 27/10/2017 thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định của Chính phủ về Khuyến nông gồm đại diện các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Y tế, Nội vụ, Công An, Quốc phòng, Tài Nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Chính phủ.

Quy trình xây dựng Nghị định thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Hợp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để xây dựng dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ.
2. Đánh giá tác động của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông, làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn cần sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp.
3. Tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan trong quá trình soạn thảo.
4. Đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân và lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.
5. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị có liên quan, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý để hoàn thiện dự thảo Nghị định.
6. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.
7. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ về Khuyến nông gồm 08 Chương, 34 Điều. Nội dung dự thảo được bố cục như sau:

Chương I. Quy định chung gồm 07 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

+ Theo quy định tại khoản 4, Điều 52 Luật Chuyên giao công nghệ năm 2017, phạm vi điều chỉnh của Nghị định quy định các nội dung sau: hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông; đối tượng tham gia hoạt động khuyến nông; chính sách khuyến nông.

+ Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Gồm: chương trình, dự án, mô hình, điểm trình diễn, nhiệm vụ, định mức kinh tế kỹ thuật, đối tượng tham gia hoạt động khuyến nông.

Điều 3. Mục tiêu của khuyến nông.

Mục tiêu của khuyến nông nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người sản xuất; thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển; huy động các nguồn lực phục vụ hoạt động khuyến nông.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động khuyến nông.

Quy định 06 nguyên tắc cơ bản trong hoạt động khuyến nông.

Điều 5. Đối tượng thực hiện chuyển giao

Quy định những tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ.

Điều 6. Đối tượng nhận chuyển giao

Quy định các đối tượng tiếp nhận kiến thức, kỹ thuật công nghệ thông qua hoạt động khuyến nông.

Điều 7. Chính sách chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp

Quy định các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thông qua hoạt động khuyến nông được hưởng các chính sách theo quy định của Nghị định này và các tổ chức, cá nhân hoạt động chuyển giao công nghệ khác (không thông qua hoạt động khuyến nông) được hưởng các chính sách theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ hiện hành.

Chương II. Hình thức hoạt động khuyến nông gồm 02 mục

Mục 1. Hình thức hoạt động khuyến nông Trung ương gồm 04 Điều:

Điều 8. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình khuyến nông Trung ương

Quy định về trình tự xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình khuyến nông Trung ương.

Điều 9. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án, nhiệm vụ thuộc chương trình khuyến nông Trung ương

Quy định trình tự xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án, nhiệm vụ thuộc chương trình khuyến nông Trung ương.

Điều 10. Phương thức và tiêu chí lựa chọn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương

Quy định phương thức lựa chọn tổ chức chủ trì, điều kiện đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương.

Điều 11. Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

Quy định việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên.

Mục 2. Hình thức hoạt động khuyến nông địa phương

Điều 12. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình khuyến nông địa phương

Quy định trình tự xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình khuyến nông địa phương.

Điều 13. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án, nhiệm vụ khuyến nông địa phương

Quy định trình tự xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông địa phương.

Chương III. Phương thức hoạt động khuyến nông gồm 05 Điều:

Điều 14. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

Quy định nội dung và phương thức hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo khuyến nông.

Điều 15. Thông tin tuyên truyền

Quy định nội dung và phương thức hoạt động thông tin tuyên truyền khuyến nông.

Điều 16. Trình diễn và nhân rộng mô hình

Quy định nội dung và phương thức hoạt động trình diễn và nhân rộng mô hình khuyến nông.

Điều 17. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

Quy định nội dung và phương thức hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông.

Điều 18. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

Quy định nội dung và phương thức hoạt động hợp tác quốc tế về khuyến nông.

Chương IV. Chính sách khuyến nông gồm 05 Điều:

Điều 19. Chính sách khuyến nông xóa đói giảm nghèo

Quy định các chính sách khuyến nông triển khai ở địa bàn khó khăn phục vụ mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Điều 20. Chính sách khuyến nông phát triển sản xuất hàng hóa

Quy định các chính sách khuyến nông phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Điều 21. Chính sách khuyến nông phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Quy định chính sách khuyến nông khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chỉ đạo của Chính phủ và để đáp ứng nhu cầu của sản xuất.

Điều 22. Chính sách đối với người hoạt động khuyến nông

Quy định chính sách đối với người hoạt động khuyến nông khi chỉ đạo triển khai dự án, nhiệm vụ khuyến nông và chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhiệm vụ.

Điều 23. Chính sách khuyến khích hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông

Quy định chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Chương V. Xã hội hóa hoạt động khuyến nông gồm 03 Điều:

Điều 24. Điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân khác khi tham gia hoạt động khuyến nông

Quy định các điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân khác phải đáp ứng khi tham gia hoạt động khuyến nông.

Điều 25. Chính sách khuyến khích xã hội hóa hoạt động khuyến nông

Quy định các chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông nhằm thúc đẩy xã hội hóa công tác khuyến nông.

Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác khi tham gia hoạt động khuyến nông

Quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động khuyến nông.

Chương VI. Kinh phí khuyến nông gồm 04 Điều:

Điều 27. Nguồn kinh phí khuyến nông

Quy định các nguồn kinh phí hoạt động khuyến nông.

Điều 28. Sử dụng kinh phí khuyến nông

Quy định việc sử dụng kinh phí cho các nội dung hoạt động khuyến nông.

Điều 29. Quản lý kinh phí khuyến nông Trung ương và địa phương

Quy định việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí khuyến nông Trung ương và địa phương.

Điều 30. Quỹ hoạt động khuyến nông

Quy định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ khuyến nông.

Chương VII. Quản lý nhà nước về khuyến nông gồm 02 Điều:

Điều 31. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trung ương

Quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan trong công tác quản lý nhà nước về khuyến nông trên phạm vi toàn quốc.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhà nước về khuyến nông ở địa phương.

Chương IX. Điều khoản thi hành gồm 02 Điều:

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Quy định về hiệu lực thi hành Nghị định theo quy định.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Quy định về trách nhiệm thi hành Nghị định.

V. CÁC VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định của Chính phủ về Khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TT (.....bản).

Nguyễn Xuân Cường

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO 8
(02/01/2018)

NGHỊ ĐỊNH
Về khuyến nông

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Chính phủ ban hành Nghị định về Khuyến nông.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về khuyến nông và quy định hình thức, phương thức, đối tượng, chính sách chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp đặc thù theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Chuyển giao công nghệ thực hiện thông qua hoạt động khuyến nông (sau đây gọi chung là khuyến nông).

2. Các hoạt động khuyến nông liên quan đến các chương trình, dự án, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia ký kết thì tuân theo chương trình, dự án, điều ước quốc tế đó.

3. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Chương trình khuyến nông* (sau đây gọi chung là chương trình) là tập hợp các dự án, nhiệm vụ khuyến nông để phục vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn của Ngành và địa phương trong giai đoạn 05 năm, 10 năm, gồm:

a) Chương trình khuyến nông Trung ương phục vụ mục tiêu phát triển sản phẩm chủ lực của Ngành và mục tiêu xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người sản xuất ở địa bàn khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh;

b) Chương trình khuyến nông địa phương phục vụ mục tiêu phát triển các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của địa phương và mục tiêu xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người sản xuất ở địa phương.

2. *Dự án khuyến nông* (sau đây gọi chung là dự án) là dự án khuyến nông Trung ương và địa phương phù hợp với chương trình khuyến nông, gồm: tên dự án; mục tiêu; dự kiến kết quả; địa bàn triển khai; thời gian thực hiện; tên tổ chức được giao chủ trì; kinh phí thực hiện.

3. *Mô hình trình diễn* (sau đây gọi chung là mô hình) là một nội dung của dự án khuyến nông được thực hiện nhằm áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, tiến bộ về quản lý, có quy mô phù hợp để làm mẫu nhân ra diện rộng.

4. *Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên* là các nhiệm vụ khuyến nông được thực hiện thường xuyên hàng năm để phục vụ hoạt động chung của hệ thống khuyến nông và các nhiệm vụ chung của Bộ, ngành, địa phương, gồm các nhóm nhiệm vụ sau:

a) Thông tin tuyên truyền: tổ chức sự kiện khuyến nông (diễn đàn, tọa đàm, hội thi, hội chợ, triển lãm); tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng; bản tin và trang tin điện tử Khuyến nông; xây dựng cơ sở dữ liệu khuyến nông; tài liệu, ấn phẩm khuyến nông;

b) Đào tạo huấn luyện: tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ khuyến nông các cấp và các đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông; xây dựng học liệu khuyến nông; khảo sát học tập trong và ngoài nước;

c) Hội nghị khuyến nông;

d) Hợp tác quốc tế về khuyến nông;

đ) Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động khuyến nông;

e) Quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động khuyến nông.

5. *Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông* là những chỉ tiêu biểu hiện bằng giá trị hoặc hiện vật được sử dụng để xây dựng mô hình khuyến nông hoặc thực hiện nội dung hoạt động khuyến nông.

6. *Đối tượng tham gia hoạt động khuyến nông* gồm:

a) Cá nhân tham gia thực hiện hoạt động khuyến nông (sau đây gọi chung là người hoạt động khuyến nông);

b) Tổ chức thuộc hệ thống khuyến nông nhà nước và tổ chức khác tham gia hoạt động khuyến nông (sau đây gọi chung là tổ chức khuyến nông).

Điều 3. Mục tiêu của khuyến nông

1. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của người sản xuất để tăng thu nhập, thoát đói nghèo, làm giàu thông qua các hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông hỗ trợ nông dân sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, thích ứng các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường.

2. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; thúc đẩy tiến trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

3. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia khuyến nông.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động khuyến nông

1. Xuất phát từ nhu cầu của nông dân và định hướng phát triển nông nghiệp của Nhà nước.

2. Phát huy vai trò chủ động, tích cực và sự tham gia tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khuyến nông.

3. Dân chủ, công khai, có sự giám sát của cộng đồng và sự quản lý của Nhà nước.

4. Nội dung, hình thức, phương thức khuyến nông phù hợp với từng địa bàn và nhóm đối tượng người sản xuất, cộng đồng dân tộc khác nhau.

5. Liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp với nông dân và giữa nông dân với nông dân.

6. Xã hội hóa hoạt động khuyến nông, đa dạng hóa dịch vụ khuyến nông để huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động khuyến nông.

Điều 5. Đối tượng thực hiện chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông

1. Các tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống khuyến nông Nhà nước chuyên trách (Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh, Trạm Khuyến nông cấp huyện, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện, khuyến nông viên cơ sở).

2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

3. Các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động khuyến nông bao gồm: tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, hiệp hội, hội nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tham gia hoạt động khuyến nông trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 6. Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông

1. Nông dân, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, xã viên hợp tác xã, cá nhân khác trực tiếp sản xuất, hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (sau đây gọi chung là người sản xuất);

2. Tổ liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức khác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất).

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 7. Chính sách chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao công nghệ trong hoạt động khuyến nông được hưởng các chính sách quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao công nghệ không thuộc quy định tại khoản 1, Điều này được hưởng các chính sách ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân có công nghệ tiên tiến được ưu tiên lựa chọn đưa vào xây dựng các mô hình khuyến nông.

Chương II

HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Mục 1.

HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Điều 8. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình khuyến nông Trung ương

1. Căn cứ chủ trương, định hướng phát triển của ngành và nhu cầu thực tiễn sản xuất, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, lấy ý kiến các đơn vị liên quan, thẩm định, phê duyệt các chương trình khuyến nông Trung ương và công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và phân công đơn vị thực hiện.

Điều 9. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án thuộc chương trình khuyến nông Trung ương

1. Yêu cầu đối với dự án khuyến nông thuộc chương trình khuyến nông Trung ương

a) Đáp ứng mục tiêu, phạm vi, nội dung chương trình khuyến nông đã được phê duyệt;

b) Tiến bộ kỹ thuật, công nghệ chuyển giao phải được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc chấp thuận.

2. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt danh mục, thuyết minh dự án khuyến nông Trung ương

a) Căn cứ chương trình khuyến nông Trung ương đã được phê duyệt và nhu cầu thực tiễn sản xuất, các tổ chức, cá nhân đề xuất dự án khuyến nông

Trung ương theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31/7 hàng năm;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, xây dựng, thẩm định, phê duyệt Danh mục dự án khuyến nông Trung ương trước ngày 31/8 hàng năm;

c) Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng đặt hàng một số dự án khuyến nông Trung ương;

d) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố danh mục dự án trên cổng thông tin điện tử của Bộ.

đ) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án khuyến nông Trung ương xây dựng thuyết minh dự án gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định, phê duyệt.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết việc thực hiện chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và phân công đơn vị thực hiện.

Điều 10. Phương thức và tiêu chí lựa chọn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án khuyến nông Trung ương

1. Dự án khuyến nông Trung ương do ngân sách nhà nước cấp được tuyển chọn theo phương thức xét chọn.

2. Điều kiện đối với tổ chức chủ trì dự án phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có chức năng, nhiệm vụ khuyến nông, chuyên gia tiến bộ kỹ thuật phù hợp với lĩnh vực, sản phẩm của dự án;

b) Trong 2 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ không thuộc một trong các trường hợp sau: đã chủ trì dự án khuyến nông có kết quả nghiệm thu ở mức “không đạt”; sử dụng kinh phí dự án khuyến nông không đúng mục đích và quy định của pháp luật;

c) Ưu tiên lựa chọn tổ chức đóng góp vốn hoặc huy động nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện dự án.

3. Chủ nhiệm dự án là người thuộc tổ chức chủ trì được giao trực tiếp tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm chính về kết quả dự án. Chủ nhiệm dự án phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung chính của dự án; có ít nhất 03 năm hoạt động khuyến nông, chuyên gia tiến bộ kỹ thuật;

b) Trong 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ không thuộc một trong các trường hợp sau: chủ trì dự án khuyến nông có kết quả nghiệm thu ở mức “không đạt” hoặc có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện dự án;

c) Mỗi cá nhân chỉ làm chủ nhiệm 01 dự án khuyến nông trong cùng thời gian.

Điều 11. Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Mục 2.

HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 12. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình khuyến nông địa phương

1. Căn cứ chủ trương, định hướng phát triển của Ngành và điều kiện thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, lấy ý kiến các đơn vị liên quan, thẩm định, phê duyệt các chương trình khuyến nông địa phương và công bố trên cổng thông tin điện tử của địa phương.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn chi tiết việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và phân công đơn vị thực hiện.

Điều 13. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án, nhiệm vụ khuyến nông địa phương

1. Căn cứ các chương trình khuyến nông địa phương đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án, nhiệm vụ khuyến nông thuộc chương trình khuyến nông địa phương và chỉ đạo thực hiện.
2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức xây dựng, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên của địa phương và chỉ đạo thực hiện phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở địa phương.
3. Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn chi tiết việc thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông địa phương quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và phân công đơn vị thực hiện.

Chương III

PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 14. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Nội dung
 - a) Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật cho cá nhân hoạt động khuyến nông;
 - b) Tập huấn về kỹ thuật sản xuất, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp cho người sản xuất;

c) Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

2. Phương thức thực hiện

a) Tổ chức khóa học ngắn hạn gắn lý thuyết với thực hành;

b) Tổ chức lớp học tại hiện trường;

c) Đào tạo từ xa trên truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử khuyến nông;

d) Khảo sát học tập trong và ngoài nước;

Điều 15. Thông tin tuyên truyền

1. Nội dung

a) Tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp và khuyến nông;

b) Phổ biến tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và hoạt động khuyến nông;

c) Thông tin thị trường, giá cả nông sản và vật tư nông nghiệp;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về tổ chức và hoạt động khuyến nông.

2. Phương thức thực hiện

a) Qua hệ thống truyền thông đại chúng;

b) Xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông khác;

c) Tổ chức các sự kiện khuyến nông: hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tọa đàm và các hình thức thông tin tuyên truyền khác;

d) Bản tin, trang web khuyến nông.

Điều 16. Xây dựng và nhân rộng mô hình khuyến nông

1. Xây dựng mô hình khuyến nông ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, phù hợp đã được công nhận hoặc chấp thuận, gồm:

a) Mô hình sản xuất hàng hóa;

b) Mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ;

c) Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục thiên tai, dịch bệnh;

d) Mô hình liên kết sản xuất, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững;

đ) Mô hình xóa đói giảm nghèo;

e) Mô hình ứng dụng công nghệ cao.

2. Nhân rộng mô hình

a) Chuyển giao kết quả từ các mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

b) Việc nhân rộng mô hình được thực hiện thông qua các hình thức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Nội dung

a) Tư vấn về chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn;

b) Tư vấn về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm;

c) Tư vấn và dịch vụ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp;

d) Tư vấn và dịch vụ về khởi nghiệp, lập dự án đầu tư, huy động vốn, tuyển dụng và đào tạo lao động, tìm kiếm thị trường, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, hợp đồng bảo hiểm sản xuất, kinh doanh;

đ) Dịch vụ cung ứng giống, vật tư nông nghiệp;

e) Tư vấn và dịch vụ khác liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Phương thức thực hiện

a) Tư vấn trực tiếp;

b) Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông;

c) Tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng;

Điều 18. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến nông trong các chương trình hợp tác quốc tế.

2. Trao đổi kinh nghiệm khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia quốc tế theo quy định của pháp luật.

3. Nâng cao năng lực, trình độ cho người làm công tác khuyến nông thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và chương trình khảo sát học tập nước ngoài.

4. Tham gia chương trình hợp tác công tư (PPP) trong nông nghiệp.

Chương IV

CHÍNH SÁCH KHUYẾN NÔNG

Điều 19. Chính sách khuyến nông xóa đói giảm nghèo

1. Chính sách khuyến nông xóa đói giảm nghèo áp dụng cho địa bàn khó khăn gồm:

a) Địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu.

2. Các chính sách hỗ trợ:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí cho các hoạt động khuyến nông xóa đói giảm nghèo theo chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Người sản xuất, cơ sở sản xuất được hỗ trợ 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu khi tham gia xây dựng mô hình;

c) Người sản xuất được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, ăn, ở khi tham dự sự kiện khuyến nông, lớp đào tạo, tập huấn, khảo sát học tập khuyến nông;

d) Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật được hưởng chế độ phụ cấp tối đa 2,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng trong thời gian chỉ đạo theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình;

đ) Hỗ trợ miễn phí tài liệu, ấn phẩm khuyến nông cho các đối tượng theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 20. Chính sách khuyến nông phát triển sản xuất hàng hóa

1. Người sản xuất, cơ sở sản xuất được hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu khi tham gia xây dựng mô hình.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tổ chức tập huấn kỹ thuật, tham quan, hội thảo đầu bờ, hội nghị sơ kết, tổng kết trong xây dựng và nhân rộng mô hình.

3. Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo xây dựng và nhân rộng mô hình được hưởng chế độ phụ cấp tối đa là 2,0 mức lương cơ sở/người/tháng trong thời gian chỉ đạo theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình.

4. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với mô hình khuyến nông. Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tài chính hiện hành, nhưng không quá 50 triệu đồng/mô hình.

5. Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận an toàn thực phẩm cho cơ sở xây dựng mô hình về an toàn thực phẩm.

Điều 21. Chính sách khuyến nông phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng mô hình khuyến nông sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức tập huấn, thông tin tuyên truyền để phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 22. Chính sách đối với người hoạt động khuyến nông

1. Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, ăn, ở và chế độ khác theo quy định khi tham dự các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông.

2. Được hưởng chế độ khi chỉ đạo triển khai các dự án, nhiệm vụ khuyến nông theo quy định.

Điều 23. Chính sách khuyến khích hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông

1. Người hoạt động khuyến nông được tham gia tư vấn và dịch vụ khuyến nông quy định tại Điều 17 Nghị định này và theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức khuyến nông Nhà nước để thực hiện hoạt động tư vấn khuyến nông miễn phí cho nông dân.

3. Tổ chức khuyến nông được ưu tiên thuê đất, vay vốn ưu đãi, miễn, giảm thuế và thu phí dịch vụ, tư vấn khuyến nông theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 24. Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân khác khi tham gia hoạt động khuyến nông

1. Tổ chức khuyến nông khác khi tham gia hoạt động khuyến nông quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có nhu cầu trực tiếp hoặc tham gia hỗ trợ các hoạt động khuyến nông;
- c) Có khả năng tài trợ, hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ về nhân lực, tài chính, tiến bộ kỹ thuật; trực tiếp hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác tài trợ, hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông;
- d) Giống cây trồng, vật nuôi chuyển giao phải được công nhận tiến bộ kỹ thuật; vật tư nông nghiệp chuyên giao phải được cấp phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng, lưu hành theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân khác tham gia hoạt động khuyến nông quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật;
- b) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này.

Điều 25. Chính sách khuyến khích xã hội hóa hoạt động khuyến nông

1. Được vinh danh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân khi thực hiện hoạt động khuyến nông có nội dung phù hợp theo quy định pháp luật.

2. Được cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi khi tham gia hoạt động khuyến nông.

3. Được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khác khi tham gia hoạt động khuyến nông

1. Hoạt động khuyến nông khuyến khích thực hiện thông qua hình thức hợp đồng. Nội dung, hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó quy định điều khoản về trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Tổ chức, cá nhân khác khi tham gia hoạt động khuyến nông phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông tại địa bàn, trong đó thông báo cụ thể nội dung hoạt động, thời gian, địa điểm, đối tượng nhận tài trợ, hỗ trợ, đối tượng nhận chuyển giao tiến bộ kỹ thuật (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân khi chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phải có hướng dẫn cụ thể về tính năng, tác dụng của tiến bộ kỹ thuật; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu có do việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật gây ra.

Chương VI

KINH PHÍ KHUYẾN NÔNG

Điều 27. Nguồn kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông Trung ương được hình thành từ các nguồn:

- a) Ngân sách trung ương cấp theo chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;
- b) Thực hiện hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;
- c) Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí khuyến nông địa phương bao gồm kinh phí khuyến nông cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được hình thành từ các nguồn:

- a) Ngân sách địa phương cấp theo chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phê duyệt;
- b) Thực hiện hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;
- c) Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí của tổ chức khuyến nông khác được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Nguồn vốn tự có của tổ chức khuyến nông khác;
- b) Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước thông qua các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- c) Thực hiện hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;
- d) Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- đ) Từ nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông Trung ương và địa phương thuộc ngân sách nhà nước được sử dụng cho:

- a) Các nội dung quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17 và 18 của Nghị định này;
- b) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hoạt động khuyến nông;
- c) Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông;
- d) Quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích bằng 8% từ nguồn kinh phí khuyến nông (trong đó 3% dành cho cơ quan quản lý khuyến nông và 5% dành cho tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông).
- đ) Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông.

2. Khoản thu từ tư vấn và dịch vụ khuyến nông là khoản thu hợp pháp được để lại 100% để chi trả cho các hoạt động của tổ chức khuyến nông theo quy định hiện hành.

Điều 29. Quản lý kinh phí khuyến nông Trung ương và địa phương

1. Kinh phí khuyến nông Trung ương được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp toàn quốc, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và tổ chức thực hiện. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến nông Trung ương vào dự toán ngân sách hàng năm trình Chính phủ để trình Quốc hội phê duyệt.

2. Kinh phí khuyến nông địa phương được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của địa phương, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã quản lý và tổ chức thực hiện. Kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến nông hàng năm của địa phương do Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Việc thực hiện chi, thanh toán kinh phí khuyến nông Trung ương và địa phương căn cứ vào chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến nông không thuộc ngân sách nhà nước do tổ chức khuyến nông quyết định phù hợp với quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật.

Điều 30. Quỹ hoạt động khuyến nông

1. Quỹ khuyến nông được sử dụng để chuyển giao công nghệ, nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, sản xuất hàng hóa. Quỹ cho vay theo nguyên tắc bảo toàn vốn và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ khuyến nông được thành lập ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước cấp để hình thành Quỹ và cấp bổ sung hằng năm theo khả năng và nhu cầu phát triển của địa phương.

b) Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và ban hành Điều lệ quản lý, sử dụng Quỹ Khuyến nông; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN NÔNG

Điều 31. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trung ương

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông theo các nội dung sau:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông;

b) Xây dựng, ban hành Danh mục tiến bộ kỹ thuật về giống, sản phẩm, quy trình sản xuất, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý khuyến khích chuyển giao trong nông nghiệp;

c) Phê duyệt chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương và chỉ đạo tổ chức thực hiện;

d) Hướng dẫn các địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông;

đ) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến nông;

e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động khuyến nông;

g) Quản lý kinh phí khuyến nông Trung ương;

h) Tổng kết, đánh giá, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động khuyến nông trên phạm vi toàn quốc.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Chính phủ phân bổ kinh phí cho hoạt động khuyến nông;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến nông Trung ương và kinh phí khuyến nông địa phương; hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ khuyến nông.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến nông theo quy định của Chính phủ.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến nông trên phạm vi địa phương theo các nội dung sau:

1. Xây dựng và ban hành chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của Ngành và điều kiện địa phương.
2. Phê duyệt chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và chỉ đạo tổ chức thực hiện.
3. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức khuyến nông các cấp ở địa phương.
4. Quản lý hoạt động của các tổ chức khuyến nông trên địa bàn.
5. Bảo đảm nguồn vốn để thực hiện chính sách và hoạt động khuyến nông tại địa phương theo các quy định tại Nghị định này.
6. Huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút nguồn lực cho hoạt động khuyến nông của địa phương.
7. Quản lý kinh phí khuyến nông địa phương.
8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động khuyến nông trên địa bàn.
9. Hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động khuyến nông tại địa phương.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2018 và thay thế Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc